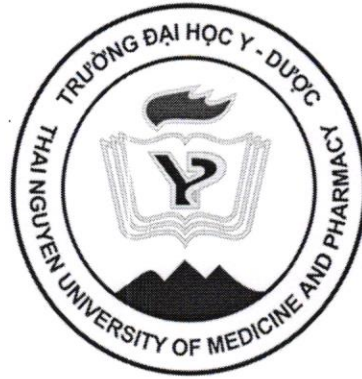


ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ
CHUYÊN NGÀNH UNG THƯ**

THÁI NGUYÊN, NĂM 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành bản mô tả chương trình đào tạo
Bác sĩ Nội trú chuyên ngành Ung thư
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 4/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1669/QĐ-ĐHYD ngày 05/9/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo Bác sĩ Nội trú;

Căn cứ Quyết định số 1030/QĐ-BYT ngày 04/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo Chuyên khoa I, Bác sĩ nội trú cho Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng khoa học và đào tạo của Nhà trường ngày 24/3/2021 về việc thông qua Chuẩn đầu ra, Bản mô tả chương trình đào tạo các mã đào tạo mở mới trình độ sau đại học năm 2020;

Xét đề nghị của Trường phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú chuyên ngành Ung thư (Nội dung kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng các khoa, Phòng chức năng và Bộ môn có liên quan tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo; áp dụng từ năm học 2021-2022.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các khoa, Phòng chức năng, Bộ môn căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *HLH*

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, KT&ĐBCLGD, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

HLH
PGS. TS. Nguyễn Tiến Dũng

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ CHUYÊN NGÀNH UNG THƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 848/QĐ-ĐHYD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)

I. Thông tin chung (General Information)

- Tên trường/cơ sở cấp bằng: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
- Cơ sở đào tạo, giảng dạy: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
- Tên chương trình đào tạo:
 - Tên tiếng Việt: *Bác sĩ nội trú chuyên ngành Ung thư.*
 - Tên tiếng Anh: *Oncology Resident Doctor.*
- Thông tin về kiểm định: Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường đại học cao đẳng Việt Nam.
- Trình độ đào tạo: **Bác sĩ nội trú.**
- Ngành đào tạo: **Ung thư.**
- Mã ngành đào tạo: **NT 62 72 23 01.**
- Thời gian đào tạo: **03 năm.**
- Ngôn ngữ đào tạo: **Tiếng Việt.**
- Hình thức đào tạo: **Tập trung.**
- Danh hiệu văn bằng:
 - Tiếng Việt: *Bác sĩ nội trú chuyên ngành Ung thư.*
 - Tiếng Anh: *Oncology Resident Doctor.*

II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

Mục tiêu	Mô tả <i>Sau khi tốt nghiệp, Bác sĩ Nội trú:</i>	Phù hợp		
		<i>Sứ mạng</i>	<i>Tâm nhìn</i>	<i>Luật Giáo dục</i>
I. Kiến thức				
PEO 1	Có khả năng để chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tiên lượng và dự phòng các bệnh ung thư thường gặp.	✓		✓
II. Kỹ năng				
PEO 2	Có khả năng trong chỉ định, phân tích kết quả xét nghiệm phục vụ chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tiên lượng các bệnh ung thư thường gặp.	✓		✓

PEO 3	Có khả năng tiến hành một số phẫu thuật, thủ thuật, kỹ thuật trong chẩn đoán, điều trị các bệnh ung thư thường gặp.	✓		✓
PEO 4	Có khả năng trong giao tiếp và làm việc nhóm để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	✓	✓	✓
III. Mức tự chủ và trách nhiệm				
PEO 5	Có khả năng hướng dẫn đồng nghiệp triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	✓	✓	✓
PEO 6	Chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động chuyên môn do bản thân thực hiện.	✓	✓	✓

III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome)

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Ngay khi hoàn thành CTĐT này, Học viên:</i>	Phân loại	
		<i>CDR chung</i>	<i>CDR chuyên biệt</i>
I. Kiến thức			
PLO 1	Vận dụng được kiến thức về triết học, tin học, ngoại ngữ, phương pháp giảng dạy lâm sàng và nghiên cứu khoa học trong chuyên môn nghề nghiệp.	✓	
PLO 2	Vận dụng thành thạo kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tiên lượng và dự phòng được một số bệnh ung thư thường gặp		✓
II. Kỹ năng			
PLO 3	Chỉ định và phân tích thành thạo kết quả xét nghiệm phục vụ chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tiên lượng các bệnh ung thư thường gặp.		✓
PLO 4	Xử trí thành thạo một số cấp cứu thường gặp trong ung thư.		✓
PLO 5	Giao tiếp và phối hợp được với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	✓	
III. Mức tự chủ và trách nhiệm			
PLO 6	Thực hiện thành thạo một số phẫu thuật, thủ thuật, kỹ thuật chẩn đoán, điều trị các bệnh ung		✓

	thư thường gặp (với giám sát hỗ trợ của giảng viên).		
PLO 7	Tuân thủ các quy định của ngành và đạo đức nghề nghiệp.	✓	
PLO 8	Nhận thức được trách nhiệm bản thân đối với việc tự học tập nâng cao trình độ, công việc chuyên môn nghề nghiệp.	✓	

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)							
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
PEO 1	✓	✓				✓	✓	✓
PEO 2		✓	✓	✓	✓		✓	✓
PEO 3		✓				✓	✓	✓
PEO 4			✓	✓		✓	✓	✓
PEO 5	✓	✓					✓	
PEO 6			✓	✓			✓	✓

V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Thông tin tuyển sinh

1. Yêu cầu về văn bằng: Bác sỹ đa khoa.

2. Yêu cầu về chuyên môn:

- Tốt nghiệp bác sỹ chính quy ngành y khoa, xếp loại tốt nghiệp loại khá trở lên trong vòng 06 tháng từ ngày công nhận tốt nghiệp (chỉ tính điểm thi tốt nghiệp lần 1).

- Trong các năm đại học không bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, không bị dừng học tập (trừ lý do sức khỏe).

- Chỉ được dự tuyển 1 lần.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không bị truy cứu hình sự.

- Miễn thi nếu tốt nghiệp loại Xuất sắc khi đủ các tiêu chuẩn khác.

3. Yêu cầu về sức khỏe: Có đủ sức khỏe để học tập.

2. Điều kiện tốt nghiệp

1. Hoàn thành, thi đạt toàn bộ chứng chỉ chuyên ngành và các môn chung, môn hỗ trợ theo Quy chế đào tạo bác sỹ nội trú Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên.

2. Tiếng Anh đạt trình độ B1 của CEFR (khung tham chiếu ngôn ngữ chung của Hội đồng Châu Âu) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.

3. Không trong thời gian chịu thi hành kỷ luật.

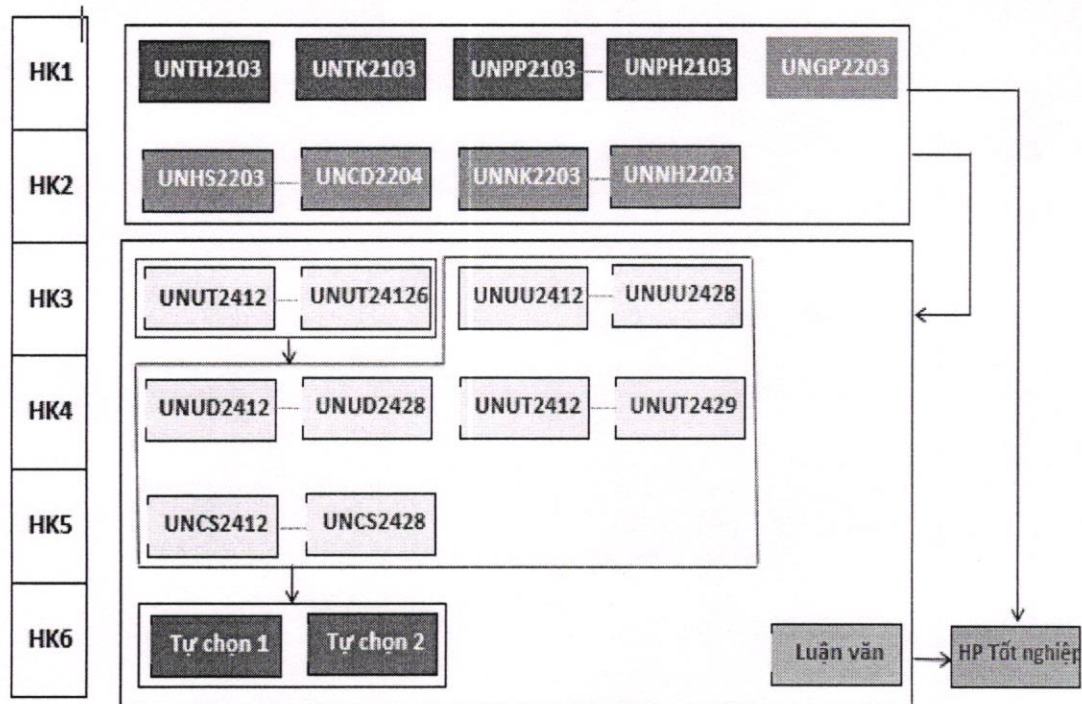
4. Hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Nhà trường.

VI. Cấu trúc chương trình đào tạo (Curriculum Structure)

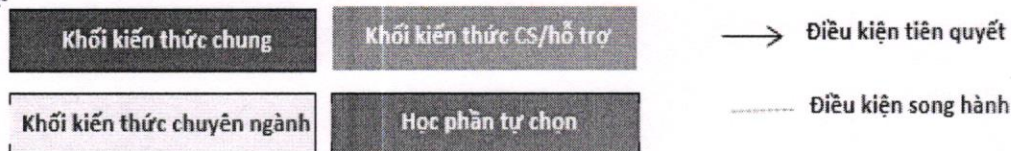
TT	Mã số	Học phần (HP)	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ TC			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
I.	Khối kiến thức chung		12 (10,9%)	135	90					
1.	UNTH2103	Triết học	3	45	0	9			1	
2.	UNTK2103	Tin học ứng dụng	3	30	30	6			1	
3.	UNPP2103	Phương pháp giảng dạy lâm sàng	3	30	30	60			1	
4.	UNPH2103	Phương pháp luận NCKH	3	30	30	6			1	
II.	Khối kiến thức cơ sở/hỗ trợ		16 (14,5%)	120	240					
5.	UNGP2203	Giải phẫu bệnh	3	30	30	60			1	
6.	UNHS2203	Hóa sinh lâm sàng, sinh học phân tử	3	30	30	90			2	
7.	UNCD2204	Chẩn đoán hình ảnh	4	30	60	60			2	
8.	UNNK2203	Ngoại khoa	3	15	60	12			2	
9.	UNNH2203	Nội khoa-Hồi sức cấp cứu	3	15	60	60			2	
III.	Khối kiến thức chuyên ngành		71 (64,6%)	210	1710			HP I, II		
	Bắt buộc		49	150	1170					
10.	UNUT2412	Ung thư đại cương (LT)	2	30	0	90		UNUT2426	3	
11.	UNUT2426	Ung thư đại cương (TH)	6	0	180	120		UNUT2412	3	
12.	UNUU2412	Ung thư vú, phụ khoa (LT)	2	30	0	120	UNUT2412 UNUT2426	UNUU2428	3	
13.	UNUU2428	Ung thư vú, phụ khoa (TH)	8	0	240	240	UNUT2412 UNUT2426	UNUU2412	3	
14.	UNUD2412	Ung thư đầu mặt cổ (LT)	2	30	0	120	UNUT2412 UNUT2426	UNUD2428	4	
15.	UNUD2428	Ung thư đầu mặt cổ (TH)	8	0	240	240	UNUT2412 UNUT2426	UNUD2412	4	
16.	UNUT2412	Ung thư tổng hợp (LT)	2	30	0	120	UNUT2412	UNUT2429	5	

								UNUT2426		
17.	UNUT2429	Ung thư tổng hợp (TH)	9	0	270	240		UNUT2426	UNUT2412	5
18.	UNCS2412	Chăm sóc giảm nhẹ trong ung thư (LT)	2	30	0	120		UNUT2412 UNUT2426	UNCS2428	5
19.	UNCS2428	Chăm sóc giảm nhẹ trong ung thư (TH)	8	0	240	240		UNUT2412 UNUT2426	UNCS2412	5
	Tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)		22	60	540			HP I, II và HP chuyên ngành bắt buộc		
20.	UNCC2512	Cấp cứu thường gặp trong ung thư (LT)	2	30	0	60			UNCC2529	6
21.	UNCC2529	Cấp cứu thường gặp trong ung thư (TH)	9	0	270	240			UNCC2512	6
22.	UNYH2512	Y học hạt nhân trong ung thư (LT)	2	30	0	60			UNYH2529	6
23.	UNYH2529	Y học hạt nhân trong ung thư (TH)	9	0	270	240			UNYH2512	6
24.	UNUT2512	Ung thư trẻ em (LT)	2	30	0	60			UNUT2529	6
25.	UNUT2529	Ung thư trẻ em (TH)	9	0	270	240			UNUT2512	6
26.	UNUH2512	Ung thư tiết niệu, sinh dục nam (LT)	2	30	0	60			UNUH2529	6
27.	UNUH2529	Ung thư tiết niệu, sinh dục nam (TH)	9	0	270	240			UNUH2512	6
IV.	Học phần tốt nghiệp (UNTN2603)		3 (2,7%)	15	60	240		Kết thúc các HP		6
V.	Luận văn (UNLV288)		8 (7,3%)	120	0	360		HP I, II		6

VII. Tiến trình dạy học (Curriculum Mapping)



Ghi chú:



VIII. Mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mức L: Thấp

Mức M: Trung bình

Mức H: Cao

TT	Mã học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLO)							
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
1.	UNTH2103	M					M	M	M
2.	UNTK2103		M			M	M	M	M
3.	UNPP2103		M			M	M	M	M
4.	UNPH2103		H				H	H	M
5.	UNGP2203	H		H		M	M	H	M
6.	UNHS2203	H		H		M	M	H	M
7.	UNCD2204	H		H		M	M	H	M
8.	UNNK2203	M		M		M	M	M	M
9.	UNNH2203	M		M		M	M	M	M
10.	UNUT2412	M	M	M	M	M	M	M	M
11.	UNUT2426			H	H	M	M	H	M
12.	UNUU2412	H	M	H	H	M	M	H	M
13.	UNUU2428			H	H	M	M	H	M
14.	UNUD2412	H	M	H	H	M	M	H	M

15.	UNUD2428			H	H	M	M	H	M
16.	UNUT2412	H	M	H	H	M	M	H	M
17.	UNUT2429			H	H	M	M	H	M
18.	UNCS2412	H	M	H	H	M	M	H	M
19.	UNCS2428			H	H	M	M	H	M
20.	UNCC2512	M	M	M	M	M	M	M	M
21.	UNCC2529			H	H	M	M	H	M
22.	UNYH2512	M	M	M	M	M	M	M	M
23.	UNYH2529			H	H	M	M	H	M
24.	UNUT2512	M	M	M	M	M	M	M	M
25.	UNUT2529			H	H	M	M	H	M
26.	UNUH2512	M	M	M	M	M	M	M	M
27.	UNUH2529			H	H	M	M	H	M
28.	UNTN2603	H	H	H	H	H	H	H	H

IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy-học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp Dạy - Học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)							
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
Thuyết trình	✓	✓				✓	✓	
Thảo luận	✓	✓				✓	✓	✓
Giao ban, đi buồng, ca lâm sàng			✓	✓	✓	✓	✓	✓
Hướng dẫn phẫu thuật/thủ thuật			✓	✓	✓	✓	✓	✓

X. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

1. Hình thức, nội dung đánh giá

Hình thức đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)	Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	1, 2, 3, 4, 5	Thể hiện ở đề cương chi tiết mỗi HP	10%
KTTX	1, 2, 3	Thể hiện ở đề cương chi tiết mỗi HP	10%
Thi GHP	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Thể hiện ở đề cương chi tiết mỗi HP	30%
Thi KTHP	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Thể hiện ở đề cương chi tiết mỗi HP	50%

2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)							
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8

Trắc nghiệm (KTTX LT)	✓	✓						
Viết tiểu luận (KTGHP LT)	✓	✓					✓	✓
Báo cáo chuyên đề (KTHP LT)	✓	✓				✓	✓	✓
Làm bệnh án (KTHP TH)			✓	✓	✓	✓	✓	✓
Chỉ tiêu thực hành (KTHP TH)			✓	✓	✓	✓	✓	✓
Kỹ năng thực hành trên người bệnh (KTHP TH)			✓	✓	✓	✓	✓	✓

XI. Đối sánh (Benchmarking)

1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Mô tả	Trường ĐHYD Huế		Trường ĐHYD Cần Thơ		Trường ĐHYD TP. HCM	
	ĐVHT	Tỷ lệ (%)	ĐVHT	Tỷ lệ (%)	ĐVHT	Tỷ lệ (%)
Kiến thức cơ bản	25	16,7	22	14,7	22	14,7
Kiến thức cơ sở ngành	21	14,0	22	14,7	23	15,3
Kiến thức chuyên ngành	49	32,6	61	40,7	77	51,4
Tự chọn	0	0	10	6,6	0	0
Tốt nghiệp	0	0	10	6,6	18	12,0
Thực tập tại bệnh viện	30	20,0	0	0	0	0
Luận văn	25	16,7	25	16,7	10	6,6
Tổng	150	100	150	100	150	100

2. Đối sánh kết quả khảo sát các bên liên quan

Kết quả khảo sát các bên liên quan được tổng hợp, đối sánh làm căn cứ xây dựng/cải thiện chất lượng CTĐT:

Các bên liên quan	Kết quả khảo sát	Nội dung xây dựng/cải thiện CTĐT
Chuyên gia y tế/giáo dục	Số môn học tự chọn còn ít	Tăng cường các môn học tự chọn

Cựu sinh viên	Cần chú trọng đào tạo kỹ năng mềm	Chú trọng đào tạo kỹ năng mềm
Nhà tuyển dụng	Cần chú trọng đào tạo kỹ năng mềm	Chú trọng đào tạo kỹ năng mềm
Giảng viên	Cần chú trọng vào đào tạo thực hành	Xây dựng thời lượng các môn học thực hành tăng lên
Sinh viên	Số môn học tự chọn còn ít	Tăng cường các môn học tự chọn

XII. Mô tả tóm tắt các học phần của CTĐT

1. Học phần Triết học

Học phần Triết học Mác-Lênin thuộc khối kiến thức chung gồm 03 TC LT. Học phần gồm 4 chương, kế thừa những kiến thức học viên đã được trang bị trong chương trình đào tạo triết học ở bậc đại học. Phương pháp giảng: thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, đáp ứng CĐR 2, 5, 7, 8 của chương trình đào tạo.

2. Học phần Tin học ứng dụng

Học phần Tin học ứng dụng thuộc khối kiến thức chung, gồm 03 TC (2 LT/1 TH) nhằm đáp ứng CĐR 2, 5, 8 của chương trình đào tạo. Học viên thực hành được một số phần mềm thống kê trong nghiên cứu khoa học y học dựa trên bằng chứng để cải thiện và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh.

3. Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng

Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng là một Chương trình thống nhất của Bộ Y tế, sử dụng trong đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện về phương pháp dạy-học lâm sàng cho tất cả các cán bộ y tế trực tiếp tham gia khám chữa bệnh để trở thành người giáo viên giảng dạy thực hành. Phương pháp giảng: thuyết trình, đóng vai, đáp ứng CĐR 2, 5, 8 của chương trình đào tạo.

4. Học phần Phương pháp luận NCKH

Học phần Phương pháp luận nghiên cứu khoa học y học thuộc khối kiến thức chung, gồm 03 TC, nhằm đáp ứng CĐR 2, 5, 8. Vận dụng được phương pháp luận nghiên cứu khoa học và sử dụng phần mềm trong nghiên cứu các bệnh lý ung thư, từ đó ứng dụng trong thực hành nghề nghiệp.

5. Học phần Giải phẫu bệnh

Học phần Giải phẫu bệnh thuộc kiến thức cơ sở/hỗ trợ, gồm 03 TC, nhằm đáp ứng CĐR 1, 3, 5, 6, 7, 8. Học viên biết cách chỉ định/lựa chọn xét nghiệm vi thể phù hợp, phân tích kết quả xét nghiệm đó, từ đó thấy được tầm quan trọng và mối liên hệ mật thiết của xét nghiệm vi thể với ngành ung thư.

6. Học phần Hóa sinh lâm sàng-Sinh học phân tử

Học phần Hóa sinh lâm sàng-Sinh học phân tử thuộc kiến thức cơ sở/hỗ trợ, gồm 03 TC, nhằm đáp ứng CĐR 1, 3, 5, 6, 7, 8. Học viên được trang bị kiến thức để nhận

biết sự thay đổi chuyển hóa các chất, sự xuất hiện của các dấu ấn ung thư và ứng dụng sinh học phân tử và miễn dịch trong chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý ung thư.

7. Học phần Chẩn đoán hình ảnh

Đây là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ gồm 04 TC, nhằm đáp ứng CĐR 1, 3, 5, 6, 7, 8. Học phần này giúp học viên có năng lực trong chỉ định, nhận định kết quả tổn thương trên các xét nghiệm chẩn đoán hình ảnh một số bệnh lý ung thư thường gặp.

8. Học phần Ngoại khoa

Đây là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ gồm 03 TC, nhằm đáp ứng CĐR 1, 3, 5, 6, 7, 8. Học phần giúp học viên vận dụng được các nguyên tắc, kiến thức, kỹ năng về ngoại khoa chung trong chẩn đoán, điều trị một số bệnh lý ung thư.

9. Học phần Nội khoa-Hồi sức cấp cứu

Đây là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ gồm 03 TCI, nhằm đáp ứng CĐR 1, 3, 5, 6, 7, 8. Vận dụng được các nguyên tắc, kiến thức về nội khoa chung trong chẩn đoán, điều trị một số bệnh lý ung thư, đặc biệt khi mắc ung thư có bệnh nền nội khoa, cũng như học viên được trang bị một số cấp cứu nội khoa thường gặp.

10. Học phần Ung thư đại cương (LT + TH)

Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành gồm 08 TC (02 LT/06 TH). Phần lý thuyết và phần thực hành nhằm đáp ứng tất cả 08 CĐR của chương trình đào tạo. Học viên vận dụng được kiến thức về ung thư đại cương trong dự phòng, chẩn đoán, sàng lọc phát hiện sớm các bệnh lý ung thư, cũng như chỉ định/nhận định kết quả xét nghiệm, lập kế hoạch dự phòng 3 bước trong ung thư, chẩn đoán và xác định nguyên tắc điều trị một số bệnh lý ung thư thường gặp. Lòng ghép là kiến thức, kỹ năng trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp.

11. Học phần Ung thư vú, phụ khoa (LT + TH)

Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành gồm 10 TC (02 LT/08 TH). Phần lý thuyết và phần thực hành nhằm đáp ứng tất cả 08 CĐR của chương trình đào tạo. Học viên có khả năng vận dụng được kiến thức về ung thư vú, phụ khoa trong dự phòng, chẩn đoán, sàng lọc phát hiện sớm; cũng như kỹ năng trong chỉ định/nhận định kết quả xét nghiệm, chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị một số bệnh lý ung thư vú, phụ khoa thường gặp. Lòng ghép là kiến thức, kỹ năng trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp.

12. Học phần Ung thư đầu mặt cổ (LT + TH)

Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành gồm 10 TC (02 LT/08 TH). Phần lý thuyết và phần thực hành nhằm đáp ứng tất cả 08 CĐR của chương trình đào tạo. Học viên có khả năng vận dụng được kiến thức về ung thư đầu mặt cổ trong dự phòng, chẩn đoán, sàng lọc phát hiện sớm, cũng như năng lực trong chỉ định/nhận định kết quả xét nghiệm, chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị một số bệnh lý ung thư đầu

mặt cổ thường gặp. Lồng ghép là kiến thức, kỹ năng trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp.

13. Học phần Ung thư tổng hợp (LT + TH)

Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành gồm 11 TC (02 LT/09 TH). Phần lý thuyết và phần thực hành nhằm đáp ứng tất cả 08 CDR của chương trình đào tạo. Học viên có khả năng vận dụng được kiến thức về ung thư tổng hợp trong dự phòng, chẩn đoán, sàng lọc phát hiện sớm, cũng như kỹ năng trong chỉ định/nhận định kết quả xét nghiệm, chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị một số bệnh lý ung thư tổng hợp thường gặp. Lồng ghép là kiến thức, kỹ năng trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp.

14. Học phần Chăm sóc giảm nhẹ trong ung thư (LT + TH)

Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành gồm 10 TC (02 LT/08 TH). Phần lý thuyết và phần thực hành nhằm đáp ứng tất cả 08 CDR của chương trình đào tạo. Học viên có khả năng vận dụng được kiến thức về chăm sóc giảm nhẹ trong tư vấn dự phòng, điều trị hỗ trợ triệu chứng, cũng như kỹ năng trong điều trị, theo dõi sau điều trị, tư vấn/truyền thông các bệnh nhân ung thư và thân nhân. Lồng ghép là kiến thức, kỹ năng trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp.

15. Học phần Cấp cứu thường gặp trong ung thư (LT + TH)

Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành gồm 11 TC (02 LT/09 TH). Phần lý thuyết và phần thực hành nhằm đáp ứng tất cả 08 CDR của chương trình đào tạo. Học viên có khả năng vận dụng được kiến thức về cấp cứu ung thư trong xử lý, điều trị hỗ trợ, tư vấn các bệnh nhân ung thư, cũng như kỹ năng trong xử lý cấp cứu, điều trị hỗ trợ, theo dõi sau điều trị một số cấp cứu ung thư thường gặp. Lồng ghép là kiến thức, kỹ năng trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp.

16. Học phần Y học hạt nhân trong ung thư (LT + TH)

Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành gồm 11 TC (02 LT/09 TH). Phần lý thuyết và phần thực hành nhằm đáp ứng tất cả 08 CDR của chương trình đào tạo. Học viên có khả năng vận dụng được kiến thức về y học hạt nhân trong chẩn đoán, điều trị một số bệnh lý ung thư, cũng như kỹ năng trong chỉ định/nhận định kết quả xét nghiệm, chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị một số bệnh lý ung thư thường gặp. Lồng ghép là kiến thức, kỹ năng trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp.

17. Học phần Ung thư trẻ em (LT + TH)

Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành gồm 11 TC (02 LT/09 TH). Phần lý thuyết và phần thực hành nhằm đáp ứng tất cả 08 CDR của chương trình

đào tạo. Học viên có khả năng vận dụng được kiến thức về ung thư trẻ em trong dự phòng, chẩn đoán, sàng lọc phát hiện sớm các bệnh lý ung thư nhi và kỹ năng trong chỉ định/nhận định kết quả xét nghiệm, chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị một số bệnh lý ung thư nhi thường gặp. Lòng ghép là kiến thức, kỹ năng trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp.

18. Học phần Ung thư tiết niệu, sinh dục nam

Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành gồm 11 TC (02 LT/09 TH). Phần lý thuyết và phần thực hành nhằm đáp ứng tất cả 08 CDR của chương trình đào tạo. Học viên có khả năng vận dụng được kiến thức về ung thư tiết niệu trong dự phòng, chẩn đoán, sàng lọc phát hiện sớm và kỹ năng trong chỉ định/nhận định kết quả xét nghiệm, chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị một số bệnh lý ung thư tiết niệu, sinh dục nam thường gặp. Lòng ghép là kiến thức, kỹ năng trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp.

19. Học phần tốt nghiệp

Là học phần bắt buộc, gồm 03 TC (01 LT/02 TH). Phần lý thuyết và phần thực hành nhằm đáp ứng tất cả 08 CDR của chương trình đào tạo. Học viên được bóc thăm một số chủ đề ung thư thường gặp nhất, sau đó được củng cố lại kiến thức lý thuyết cũng như kỹ năng thực hành tay nghề. Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm được đánh giá cao nhất trong các học phần chuyên ngành.

20. Luận văn báo cáo tốt nghiệp

Là học phần củng cố kiến thức, kỹ năng của các khối kiến thức, tiến hành đồng thời trong thời gian học viên học các kiến thức chuyên ngành, nhằm đáp ứng tất cả các CDR của chương trình đào tạo.

Điều kiện thi tốt nghiệp, làm luận văn, bảo vệ luận văn, xét công nhận tốt nghiệp tuân thủ đúng các quy định trong Quyết định số 1669/QĐ-ĐHYD ngày 05/9/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên.

XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Đội ngũ giảng viên gồm có 72 giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT này, trong đó có 02 giáo sư, 16 phó giáo sư, 26 tiến sĩ, 10 thạc sĩ. Người học học lý thuyết tại giảng đường, học thực hành tại các bệnh viện thực hành như Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên và thực tập tại các phòng thí nghiệm.

Trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên có hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng nghiên cứu khá hiện đại, đáp ứng được yêu cầu học tập và tự nghiên cứu cho học viên cao học. Các đơn vị thành viên của Đại học Thái Nguyên đều được trang bị rất nhiều phương tiện hỗ trợ dạy học và nghiên cứu khoa học như phòng máy tính đa năng, hệ thống đường truyền kết nối internet đến từng phòng

học và phòng thí nghiệm - thực hành. Phòng thí nghiệm và thực hành được trang bị thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu (máy vi tính, máy chiếu projector, các thiết bị phục vụ thực tế chuyên môn).

XIV. Ngày phê duyệt lần đầu:

XV. Tiến trình cập nhật

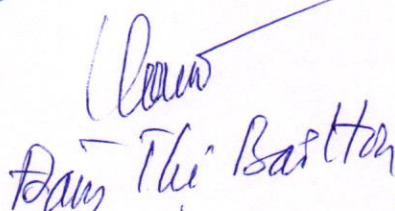
TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng tổ rà soát	Trưởng khoa/ Bộ môn
1.				
2.				
3.				
...				

XVI. Thành phần phê duyệt

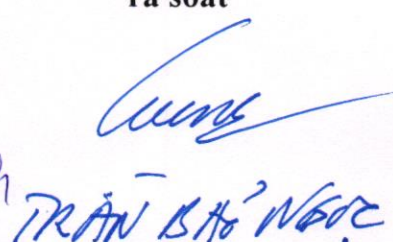
Chủ tịch HĐ thẩm định

**Chủ tịch Hội đồng
Khoa/Bộ môn**

**Tổ trưởng xây dựng/
rà soát**



Đàm Thị Baston



TRẦN KH. NGUYỄN

